

Số: /BVUB-P.VT-TBYT

Nghệ An, ngày tháng năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế đợt 2 năm 2025 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An thuộc Dự toán mua sắm: Cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế đợt 2 năm 2025 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

### I- Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An - 60 Tôn Thất Tùng, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Nguyễn Thị Phương Thảo - Nhân viên phòng Vật tư- TBYT.

SĐT: 0944.218.495.

Địa chỉ email: [nguyenphuongthao.bvub@gmail.com](mailto:nguyenphuongthao.bvub@gmail.com).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư - Bệnh viện Ung bướu Nghệ An - 60 Tôn Thất Tùng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Nhận qua email: [dauthauvtyt.ubna@gmail.com](mailto:dauthauvtyt.ubna@gmail.com).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h00' ngày 03 tháng 01 năm 2025 đến trước 16h00' ngày 14 tháng 01 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2025. (Thời điểm kết thúc nhận báo giá).

### II- Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế yêu cầu báo giá (gọi chung là hàng hóa).

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)


2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa: Phòng Vật tư -TBYT – Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (Đ/c: 60. Tôn Thất Tùng – P. Hưng Dũng – Tp. Vinh – Nghệ An và Km 456 – Quốc lộ 1A – Xóm 3 – xã Nghi Liên – Thành phố Vinh – Nghệ An).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: cung cấp hàng hoá trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo dự trữ của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An, đầy đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng.

4. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

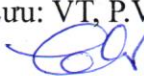
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Các nhà cung cấp báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 kèm theo.

Trân trọng!. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổ tham mưu tổng hợp;
- Lưu: VT, P.VT-TBYT



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Ngô Trí Diễm**

**PHỤ LỤC 1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế yêu cầu báo giá**  
(Ban hành kèm theo Yêu cầu báo giá số /BVUB-P-VT-TBYT ngày / /2025)

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) <sup>(1)</sup>	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Tổng số lượng	Ghi chú
1	K001	Khí Oxy y tế	O2 nồng độ ≥ 99,6%, dung tích ≥ 40 lít		Bình	3.476	1.042	4.518	
2	K002	Khí Oxy y tế	O2 nồng độ ≥ 99,6%, dung tích ≥ 10 lít.		Bình	464	139	603	
3	V001	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Dùng rửa tay phẫu thuật		Cái	200	60	260	
4	V002	Bảng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước. Kích thước (≥) 18mm x (≥) 55mm.		Cuộn	140	42	182	
5	V003	Bao cao su tránh thai	Chất liệu cao su thiên nhiên.		Cái	3000	900	3.900	
6	V004	Bóng hút nước y tế	Thành phần: Bông tự nhiên tinh chế (Bông xơ, 100% cotton). Yêu cầu: độ ẩm: ≤ 8%; tốc độ hút nước: < 8 giây; khả năng hút nước: ≥ 20 g nước/g bông; giới hạn acid và kiềm: đạt trung tính.		Kg	370	111	481	
7	V005	Catheter tĩnh mạch trung tâm 03 nòng	Có đường cân quang.		Bộ	75	22	97	
8	V006	Clip kẹp mạch máu chất liệu Polymer các cỡ	Các cỡ: L; XL.		Cái	4.000	1.200	5.200	
9	V007	Clip kẹp mạch máu chất liệu Titanium các cỡ	Các cỡ: ML; L.		Cái	2.000	600	2.600	
10	V008	Đầu cón xanh	Chất liệu nhựa. Không có màng lọc. Thể tích tối đa 1000ul.		Cái	6.000	1.800	7.800	
11	V009	Dây dẫn lưu ổ bụng	Kích thước: 5 ID x 7 OD; 7 ID x 10 OD. Tiệt trùng.		Cái	2.500	750	3.250	
12	V010	Dây hút dịch	Các số 5 - 18. Chất liệu: nhựa PVC. Độ dài ≥ 500mm. Không có nắp. Tiệt trùng.		Cái	6.000	1.800	7.800	
13	V011	Dây thở oxy	Các cỡ trẻ em, người lớn. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2m.		Bộ	1.000	300	1.300	
14	V012	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Chất liệu cao su latex. Tiệt trùng. Cỡ 6,5; 7; 7,5; 8.		Đôi	27.000	8.100	35.100	
15	V013	Ker dẫn mắt	Cỡ 14 - 16 - 18 - 20Fr.		Cái	10	3	13	
16	V014	Khóa ba ngã có dây dẫn	Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. Van 3 cánh xoay 360 độ, có mũi tên chỉ hướng dòng chảy, dòng chảy ngắt dòng sau mỗi 90 độ. Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm. Chịu được áp suất ≥ 5 bar. Tiệt trùng		Cái	12.000	3.600	15.600	
17	V015	Kim sinh thiết vũ dưới hỗ trợ lực hút chân không	Kích cỡ đầu kim 9G; chiều dài kim ≥ 12cm; độ mở của lỗ cắt ≥ 20mm, ≥ 12mm; khả năng xoay 3 góc độ; có van chữ Y.		Cái	50	15	65	
18	V016	Mask thanh quản 1 nòng dùng nhiều lần	1 nòng, dùng nhiều lần, các cỡ 1-5.		Cái	30	9	39	
19	V017	Sonde foley 2 nhánh các số	Các cỡ.		Cái	400	120	520	
20	V018	Tay dao đơn cực hai phim bấm	Tay dao đơn cực hai phim bấm dùng với dao mổ điện. Lưỡi dao sử dụng nhiều lần. Dây nối, chân cắm loại 3 chân.		Cái	50	15	65	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) <sup>(1)</sup>	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Tổng số lượng	Ghi chú
21	H001	Môi trường nuôi cấy và phân biệt các loại nấm	Đĩa thạch đồ sẵn chứa môi trường thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men. Đĩa $\geq 90$ mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane Thành phần: Peptone, Glucose (dextrose), Agar. pH: 5,6 $\pm 0,2$ ở 25°C		Đĩa	200	60	260	
22	H002	Thạch UTI	Môi trường tạo màu nhằm chẩn đoán nhận biết và phân biệt các loại vi sinh vật gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Thành phần: peptone, chromogenic, agar. Đĩa $\geq 90$ mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane.		Đĩa	1.800	540	2.340	
23	H003	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thẻ gồm $\geq 47$ thử nghiệm sinh hóa. Tương thích sử dụng trên máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ Vitek2compact của hãng BioMerieux - Mỹ. Hộp $\geq 20$ thẻ		Hộp	25	7	32	
24	H004	Chai cấy máu	Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate chứa môi trường và hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể. Tương thích sử dụng trên máy phát hiện vi khuẩn tự động (Máy cấy máu) BacT/ALERT 3D60 của hãng BioMerieux - Mỹ		Chai	1.400	420	1.820	
25	H005	Nước muối 0,45 %	Nước muối 0,45 % dùng để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm dùng cho định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ. Tương thích sử dụng trên máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ Vitek2compact của hãng BioMerieux - Mỹ. Chai $\geq 500$ ml.		Chai	15	4	19	
26	H006	Hóa chất định lượng Fibrinogen C	Hóa chất định lượng Fibrinogen dựa trên phương pháp Clauss. Thành phần: Dạng bột khô chứa thrombin. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm đông máu tự động ACLTOP 300 CTS của hãng Intrumentation Laboratory- Mỹ. Hộp: ( $\geq 10$ ) x ( $\geq 2$ ml) hoặc tương đương.		Hộp	34	10	44	
27	H007	Dung dịch rửa thường quy	Thành phần: chất lỏng có chứa các chất vô cơ và hữu cơ (2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride hoặc tương đương). Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm đông máu tự động ACLTOP 300 CTS của hãng Intrumentation Laboratory- Mỹ. Bình $\geq 4.000$ ml		Bình	60	18	78	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) <sup>(1)</sup>	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Tổng số lượng	Ghi chú
28	H008	Hóa chất định lượng CEA	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CEA. Loại mẫu: Huyết thanh. Dài do bao trùm lên khoảng từ 0,1-1.000 ng/mL. Thành phần: các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng CEA, liên hợp kháng thể kháng CEA liên kết với photphataza kiềm. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động DXI 800 của hãng Beckman Coulter- Mỹ. Hộp ≥ 100 test		Hộp	120	36	156	
29	H009	Kit kháng thể AE1/AE3	Kháng thể Keratin AE1-AE3 (AE1/AE3). Quy cách: Kit gồm ≥ 01 lọ kháng thể ≥ 7ml & ≥ 01 lọ mã vạch.		Kit	5	1	6	
30	H010	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: huyết thanh người có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol. Thời gian sau hoàn nguyên (nếu có) ≥ 1 tháng. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động AU680 của hãng Beckman Coulter- Mỹ.		Lọ	30	9	39	
31	H011	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu	Dùng để đánh dấu các bạch cầu trong mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu. Thành phần: Polymethine; Ethylene Glycol; Methanol. Tương thích sử dụng trên hệ thống phân tích xét nghiệm huyết học hoàn toàn tự động XN-2000, XN-3000 của hãng Sysmex- Nhật Bản. Quy cách: Hộp: (≥2) x (≥42ml) hoặc tương đương	G7 hoặc châu Âu	Hộp	80	24	104	
32	H012	Hóa chất ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Thành phần: Muối amoni hữu cơ; chất hoạt động bề mặt. Tương thích sử dụng trên hệ thống phân tích xét nghiệm huyết học hoàn toàn tự động XN-2000, XN-3000 của hãng Sysmex- Nhật Bản. Hộp: ≥ 5L		Hộp	90	27	117	
33	H013	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu ưa bazơ	Dùng để xác định số lượng bạch cầu, số lượng tế bào hồng cầu nhân, số lượng bạch cầu ái kiềm. Thành phần: Polymethine; Ethylene Glycol. Tương thích sử dụng trên hệ thống xét nghiệm huyết học tự động XN-3000, XN-2000 của hãng Sysmex- Nhật Bản. Hộp: (≥2) x (≥82ml) hoặc tương đương.	G7 hoặc châu Âu	Hộp	55	16	71	
34	H014	Hóa chất để xác định thời gian đông máu	Hóa chất dùng để xác định thời gian đông máu prothrombin (PT). Thành phần: thuốc thử đóng khô chứa thromboplastin. Độ ổn định hóa chất sau hoàn nguyên ≥ 5 ngày ở 2-8 độ C. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm đông máu hoàn toàn tự động CA-660 của hãng Sysmex- Nhật Bản. Hộp (≥10) x (≥4ml) hoặc tương đương		Hộp	36	10	46	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hàng hóa (nếu có) <sup>(1)</sup>	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Tổng số lượng	Ghi chú
35	H015	Hóa chất để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần	Hóa chất dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT). Thành phần: chứa Phosphatides. Độ ổn định hóa chất sau hoàn nguyên $\geq 5$ ngày ở 2-8 độ C. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm dòng máu hoàn toàn tự động CA-660 của hãng Sysmex- Nhật Bản. Hộp ( $\geq 10$ ) x ( $\geq 2$ ml) hoặc tương đương		Hộp	36	10	46	
36	H016	Hóa chất xác định nồng độ fibrinogen trong huyết tương	Thành phần: thuốc thử đông khô chứa Thrombin. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm dòng máu hoàn toàn tự động CA-660 của hãng Sysmex- Nhật Bản. Hộp: ( $\geq 10$ ) x ( $\geq 1$ ml) hoặc tương đương		Hộp	76	22	98	
37	H017	Hóa chất rửa trên hệ thống máy dòng máu tự động	Thành phần: Sodium hypochlorite. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm dòng máu hoàn toàn tự động CA-660 của hãng Sysmex- Nhật Bản. Hộp: $\geq 50$ ml		Hộp	87	26	113	
38	H018	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 (Cyfra 21-1). Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương người. Dải đo bao trùm lên khoảng 0,1 - 500 ng/mL. Thành phần: kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin 19. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas e601 của hãng Roche diagnostics GmbH-Nhật Bản. Hộp: $\leq 100$ Test		Test	1.500	400	1.900	
39	H019	Hóa chất xét nghiệm định lượng ProGRP	Mẫu đo: huyết thanh, huyết tương. Dải đo bao trùm lên khoảng 3 - 5.000 pg/mL. Thành phần: kháng thể đơn dòng kháng ProGRP. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas e601 của hãng Roche diagnostics GmbH-Nhật Bản. Hộp: $\leq 100$ Test		Test	1.000	300	1.300	
40	H020	Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC	Mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương. Dải đo bao trùm lên khoảng 0,1 - 70 ng/mL. Thành phần: kháng thể đơn dòng kháng SCC. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas e601 của hãng Roche diagnostics GmbH-Nhật Bản. Hộp: $\leq 100$ Test		Test	2.500	700	3.200	
41	H021	Kit xét nghiệm phát hiện gen DPYD (dihydropyrimidine dehydrogenase)	Xét nghiệm xác định $\geq 4$ đa hình gen DPYD: c.1236G>A (HapB3), c.1679T>G (DPYD*13), c.1905+1G>A (DPYD*2A, IVS14+1G>A), c.2846A>T (p.D949V) dựa trên phản ứng PCR và lai phân tử ngược. Bộ dùng cho $\geq 20$ lần xét nghiệm.		Bộ	3	-	3	
42	H022	Kit kháng thể CD20	Kháng thể CD20 (L26). Quy cách: Kit gồm $\geq 01$ lọ kháng thể $\geq 7$ ml & $\geq 01$ lọ mã vạch.		Kit	3	-	3	
43	H023	Kit kháng thể NSE	Kháng thể NSE (Policlonal). Quy cách: Kit gồm $\geq 01$ lọ kháng thể $\geq 7$ ml & $\geq 01$ lọ mã vạch.		Kit	3	-	3	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) <sup>(1)</sup>	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Tổng số lượng	Ghi chú
44	H024	Kit kháng thể P40	Kháng thể p40 (ZR8). Quy cách: Kit gồm ≥ 01 lọ kháng thể ≥ 7ml & ≥ 01 lọ mã vạch.		Kit	8	2	10	
45	H025	Kit kháng thể CDX2	Kháng thể CDX-2 (EP25). Quy cách: Kit gồm ≥ 01 Lọ kháng thể ≥ 7ml & ≥ 01 lọ mã vạch.		Kit	8	2	10	
<b>Tổng cộng: 45 mặt hàng</b>									

Ghi chú:

(1) Đối với các mã hàng hóa có yêu cầu về xuất xứ hàng hóa, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.




**Phụ lục 2. Mẫu báo giá**

*(Ban hành kèm theo Yêu cầu báo giá số /BVUB-P.VT-TBYT ngày / /2025)*

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Nghệ An

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số /BVUB-P.VT-TBYT ngày / / của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An, chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của đơn vị báo giá] báo giá cho các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm và các hàng hóa khác như sau:

**1. Báo giá:**

STT	Mã HH	Mã HH theo quyết định 5086/QĐ-BYT (nếu có)	Tên hàng hóa mời báo giá	Tên thương mại hàng báo giá	Đặc tính kỹ thuật mặt hàng báo giá	Hãng-nước sản xuất	Model/ ký mã hiệu sản phẩm	ĐVT	Số lượng			Đơn giá báo giá (có VAT)	Thành tiền	Quy cách (nếu có)	Mã HS	Thuế VAT (%)
									Số lượng mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Tổng số lượng					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(11) x (12)	(14)	(15)	(16)
1																
2																
n																

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không được nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày 14/01/2025 [kết thúc thời điểm nhận báo giá].

**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng không giá, đảm bảo giá chào phù hợp với giá cung ứng cho các đơn vị khác trong khu vực.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.






....., ngày tháng năm 202...

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1), (3), (8), (9), (10), (11): Đơn vị báo giá ghi đúng thông tin tại phụ lục I.
  - (2) Đơn vị báo giá ghi mã HH theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 về việc ban hành danh mục dùng chung mã hàng sản xuất vật tư y tế (đợt 1) và nguyên tắc mã hóa vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.
  - (4), (5), (6), (7), (14), (15), (16): Đơn vị báo giá ghi đúng thông tin của mặt hàng báo giá.
  - (12) Đơn vị báo giá ghi giá trị đơn giá của mặt hàng báo giá, đơn giá bao gồm các chi phí cho các dịch vụ liên quan và thuế phí, lệ phí (nếu có).
  - (13) Đơn vị báo giá ghi giá trị thành tiền, giá trị ghi tại cột này bằng tổng số lượng (cột (11)) nhân với đơn giá (cột (12)).
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

